

CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE BẾN TÀU QUẢNG NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đã được kiểm toán



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	3-4
Báo cáo Kiểm toán	5-6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12-22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Bến xe bến tàu Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Bến xe bến tàu Quảng Ninh là một doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100640 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 04 năm 2013.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100640 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31 tháng 08 năm 2010, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

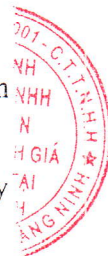
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- Nhà hàng và cách dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân đầu vào.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm ngành: bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Thu gom rác thải không độc hại
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp: bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá: sản xuất nước đá.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu VI, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC



Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông:	Dương Đức Quang	Tổng giám đốc
Bà:	Nguyễn Thị Nguyên	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam tại Quảng Ninh (AVA) - đơn vị đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2015

TM. Ban Giám đốc

Tổng giám đốc



Dương Đức Quang

**CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH**

Số: *68*/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
của Công ty TNHH MTV Bến xe bến tàu Quảng Ninh*

Kính gửi:

**Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Bến xe bến tàu Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Bến xe bến tàu Quảng Ninh được lập ngày 11/07/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 được trình bày từ trang 7 đến trang 22 kèm theo.

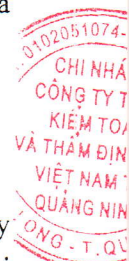
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho cuối năm của Công ty vì chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 31/12/2014 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.



Theo ý kiến của chúng tôi ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV bến xe bến tàu Quảng Ninh, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2015

**CN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM
ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH (AVA)**

Giám đốc



Đặng Thanh Tuấn

Giấy chứng nhận ĐKHNKT

Số: 0551/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Hải

Giấy chứng nhận ĐKHNKT

Số: 1218/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

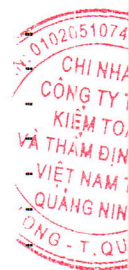
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.885.718.994	11.446.773.418
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		7.448.415.053	1.258.323.669
111	1. Tiền	1	7.448.415.053	1.258.323.669
112	2. Các khoản tương đương tiền	2	-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	9.180.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	3	10.000.000.000	9.180.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		414.303.941	993.449.749
131	1. Phải thu khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán		58.600.000	243.343.800
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	4	355.703.941	750.105.949
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	5	-	-
141	1. Hàng tồn kho		-	-
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.000.000	15.000.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu TP		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		23.000.000	15.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		24.030.495.291	27.856.461.008
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		24.030.495.291	27.856.461.008
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	24.030.495.291	27.707.002.826
222	- Nguyên giá		48.842.479.479	52.249.311.183
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.811.984.188)	(24.542.308.357)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	-	149.458.182
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8	-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		41.916.214.285	39.303.234.426

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		11.753.382.672	9.140.402.813
310	I. Nợ ngắn hạn		11.753.382.672	9.140.402.813
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	9	-	-
312	2. Phải trả người bán		3.207.018.750	394.138.500
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.216.138.521	647.531.404
315	5. Phải trả người lao động		2.661.210.093	2.533.552.170
316	6. Chi phí phải trả	11	-	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	17.044.500	86.524.706
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.651.970.808	5.478.656.033
327	12. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu CP		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	13	-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.162.831.613	30.162.831.613
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	30.162.831.613	30.162.831.613
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.919.861.044	26.919.861.044
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.650.099.200	1.650.099.200
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.592.871.369	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	1.592.871.369
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		41.916.214.285	39.303.234.426

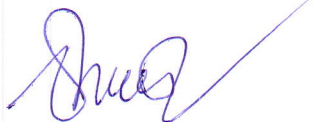


CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
	5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập



Vũ Thị Mai Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyên

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2015

Tổng giám đốc



Dương Đức Quang



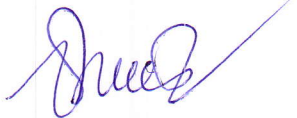
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	34.024.563.031	30.663.781.920
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	34.024.563.031	30.663.781.920
11	4. Giá vốn hàng bán	17	1.364.386.295	1.302.713.024
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.660.176.736	29.361.068.896
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	426.159.197	1.521.582.467
22	7. Chi phí tài chính	19	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		21.832.898.969	19.792.389.534
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.022.101.995	7.624.949.688
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.231.334.969	3.465.312.141
31	11. Thu nhập khác		1.288.685.091	2.950.000
32	12. Chi phí khác		682.349.514	479.108.145
40	13. Lợi nhuận khác		606.335.577	(476.158.145)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.837.670.546	2.989.153.996
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	877.470.923	747.288.499
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.960.199.623	2.241.865.497
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			

Người lập



Vũ Thị Mai Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyên

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2015

Tổng giám đốc




Dương Đức Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: VND
1 từ 01/01/2015
đến 31/12/2013

Mã số	Chi tiêu	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	30.448.962.805	28.098.778.878
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(226.797.087.858)	(150.064.652.124)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(15.137.363.151)	(13.771.887.554)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(894.478.987)	(1.005.495.584)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	237.225.949.370	152.137.924.201
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(19.484.205.513)	(17.808.938.255)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	5.361.776.666	(2.414.270.438)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(60.886.000)	(1.963.696.272)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.709.200.718	1.517.991.902
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(4.000.000.000)	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.180.000.000	3.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	828.314.718	554.295.630
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	6.190.091.384	(1.859.974.808)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1.258.323.669	3.118.298.477
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	7.448.415.053	1.258.323.669



Người lập

Vũ Thị Mai Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyên

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2015

Tổng giám đốc



Dương Đức Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 31/12/2014**

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Bến xe bến tàu do Nhà nước làm chủ sở hữu là một doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100640 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31 tháng 08 năm 2010, đăng ký sửa đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 04 năm 2013. Trụ sở chính của Công ty đặt Khu VI, P.Bãi Cháy, T.P Hạ Long, Quảng Ninh.

Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100640 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31 tháng 08 năm 2010, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- Nhà hàng và cách dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân đầu vào.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm ngành: bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Thu gom rác thải không độc hại
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp: bán lẻ khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá: sản xuất nước đá.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại tại ngày giao dịch.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: giá đích danh

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thương xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn: không trích lập dự phòng

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ năm 2014 của Công ty được thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ

vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn Phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo Phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí thực hiện các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu....

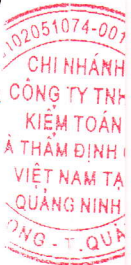
Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo thông tư số 220/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng



Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- + Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi

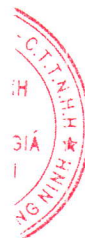
nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCĐKT VÀ BÁO CÁO KQHĐKD

1 TIỀN		31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Tiền mặt		1.009.502.627	591.588.099
Tiền gửi ngân hàng		6.438.912.426	666.735.570
Tiền đang chuyển		-	-
Cộng		7.448.415.053	1.258.323.669
2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC		31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác		10.000.000.000	9.180.000.000
Cộng		10.000.000.000	9.180.000.000
3 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC		31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá		-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
Phải thu người lao động		-	-
Phải thu khác (*)		350.000.000	743.000.000
Phải trả, phải nộp khác (Dư nợ)		5.703.941	7.105.949
Phải thu Bảo hiểm y tế của người lao động		-	-
Cộng		355.703.941	750.105.949
4 HÀNG TỒN KHO		31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Hàng mua đang đi đường		-	-
Nguyên liệu, vật liệu		-	-
Công cụ, dụng cụ		-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		-	-
Thành phẩm		-	-
Hàng hóa		-	-
Cộng		-	-
5 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC		31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
Thuế thu nhập cá nhân		-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
Cộng		-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2014	49.999.413.027		2.072.236.338	177.661.818	52.249.311.183
Số tăng trong kỳ	0	-	-	-	-
- Mua trong kỳ					-
- Đầu tư XDCB h.thành					-
- Tăng khác					-
Số giảm trong kỳ	(2.846.899.002)	0	(525.165.429)	(34.767.273)	(3.406.831.704)
- Thanh lý, nhượng bán			(525.165.429)	-	(525.165.429)
- Giảm do đ/c nhóm TS					-
- Giảm khác	(2.846.899.002)			(34.767.273)	(2.881.666.275)
Số dư tại 31/12/2014	<u>47.152.514.025</u>	<u>0</u>	<u>1.547.070.909</u>	<u>142.894.545</u>	<u>48.842.479.479</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2014	22.756.499.034		1.651.015.858	134.793.465	24.542.308.357
Số tăng trong kỳ	2.985.474.352		130.938.406	28.578.912	3.144.991.670
- Khấu hao trong kỳ	2.985.474.352		130.938.406	28.578.912	3.144.991.670
Số giảm trong kỳ	(2.315.383.137)	-	(525.165.429)	(34.767.273)	(2.875.315.839)
- Thanh lý, nhượng bán			(525.165.429)		(525.165.429)
- Giảm khác	(2.315.383.137)			(34.767.273)	(2.350.150.410)
Số dư tại 31/12/2014	<u>23.426.590.249</u>	<u>0</u>	<u>1.256.788.835</u>	<u>128.605.104</u>	<u>24.811.984.188</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	27.242.913.993	-	421.220.480	42.868.353	27.707.002.826
Tại ngày 31/12/2014	<u>23.725.923.776</u>	<u>-</u>	<u>290.282.074</u>	<u>14.289.441</u>	<u>24.030.495.291</u>

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Lợi thế mỏ	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2014					-
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2014					-
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	149.458.182
Trong đó:		
+ Bến xe Kênh Đồng		149.458.182
+ Nhà điều hành kiêm chờ khách Cảng Tàu Du Lịch		

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ
Giá trị thương hiệu
Chi phí trả trước dài hạn khác
Cộng

-	149.458.182
31/12/2014	01/01/2014
VND	VND
-	-
-	-



9 VAY NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	-	-
Cộng	-	-

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	436.054.297	358.361.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	372.988.667	275.075.855
Thuế thu nhập cá nhân	3.514.000	14.094.001
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	403.581.557	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	1.216.138.521	647.531.404

Công ty có nghĩa vụ phải nộp những khoản thuế sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam.
- Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
Trích trước chi phí vận chuyển	-	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Chi phí phải trả của các dự án	-	-
Lãi vay phải trả	-	-
Trích trước chi phí nghiệm thu	-	-
Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	-	-

12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	218.829
Bảo hiểm xã hội	-	2.056.377
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Phải trả, phải nộp khác (*)	17.044.500	84.249.500
Phải thu khác (Dư Có)	-	-
Cộng	17.044.500	86.524.706

TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

31/12/2014	01/01/2014
VND	VND
-	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

31/12/2014	01/01/2014
VND	VND
-	-

14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	26.919.861.044	1.650.099.200	0	1.592.871.369		30.162.831.613
Tăng vốn trong năm trước	-	0	-	-	0	
Lãi trong năm trước						
Điều chỉnh XĐGTDN						
Tăng khác	-					
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						
Trích quỹ						
Phân phối lợi nhuận						
Giảm khác						0
Số dư cuối năm trước	26.919.861.044	1.650.099.200	0	1.592.871.369	0	30.162.831.613
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	1.592.871.369	-	-	-
Lãi trong kỳ này					2.960.199.623	
Tăng vốn						
Tăng khác		-	1.592.871.369	-	-	
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	(1.592.871.369)	(2.960.199.623)	-
Lỗ trong năm nay						
PP lợi nhuận					(2.960.199.623)	
Giảm khác (*)		-		(1.592.871.369)		
Số dư cuối kỳ này	26.919.861.044	1.650.099.200	1.592.871.369	-	-	30.162.831.613

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	%	01/01/2014	%
Vốn góp của Nhà nước	26.919.861.044	100%	26.919.861.044	100%
Cộng	26.919.861.044	100%	26.919.861.044	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2014	01/01/2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	26.919.861.044	26.919.861.044
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	26.919.861.044	26.919.861.044

15 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.024.563.031	30.663.781.920
Cộng	34.024.563.031	30.663.781.920

16 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	-	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	34.024.563.031	30.663.781.920
Cộng	34.024.563.031	30.663.781.920

17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá vốn của sản phẩm hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	-	-

18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	426.159.197	1.521.582.467
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	426.159.197	1.521.582.467

19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng	-	-

20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

31/12/2014	01/01/2014
VND	VND

21 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

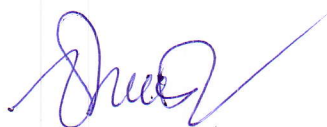
Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Thông tin về các bên liên quan

Thông tin liên quan

Số liệu so sánh

Người lập



Vũ Thị Mai Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyên

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2015

Tổng giám đốc



Dương Đức Quang